

Bản án số: **59/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 12-9-2022
Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Hương Trâm**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đăng Thường**
Ông **Phạm Văn Giới**

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hoài Thương** – Thư ký
Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
tham gia phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Hương** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Vũ Thanh T, sinh năm 1963 (*có mặt*)

* Bị đơn: Bà Trần Thị S, sinh năm 1962 (*xin vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Xã Đồng T, huyện Đồng Ph, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Vũ Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà Trần Thị S chung sống với nhau một cách tự nguyện vào năm 1989 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước vào năm 2002. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không tin tưởng nhau, bà Sơn hay ghen tuông vô cớ, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Nay, Ông T xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm giành cho bà Sơn đã hết nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông T được ly hôn với bà Trần Thị S.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung tên là Vũ Thị G sinh năm 1990; Vũ Thị Thanh Hà, sinh năm 1992 và Vũ Trần Bắc, sinh năm 1994. Do các con đã trưởng thành nên Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra Ông T không yêu cầu gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Sơn và ông Vũ Thanh T chung sống với nhau một cách tự nguyện năm 1989 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước vào năm 2002. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng chỉ phát sinh một số mâu thuẫn nhỏ, không ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình. Thời gian gần đây bà nhận thấy Ông T hay giữ khoảng cách, ít tiếp xúc với bà nhưng không biết lý do vì sao. Nay, bà Sơn xác định tình cảm giành cho Ông T vẫn còn, ông bà cũng đã lớn tuổi, con đã trưởng thành hết nên trước yêu cầu ly hôn của Ông T thì bà Sơn không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung tên là Vũ Thị G sinh năm 1990; Vũ Thị Thanh Hà, sinh năm 1992 và Vũ Trần Bắc, sinh năm 1994. Do các con đã trưởng thành nên bà Sơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà Sơn không yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Vũ Thanh T với bà Trần Thị S.

Về nuôi con, tài sản chung: Không xem xét do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Vũ Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Trần Thị S, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con, tài sản chung và nợ chung. Vì vậy, đây là vụ án “*Tranh chấp ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Do bị đơn bà Trần Thị S cư trú tại ấp 5, xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

[1.3] Về việc vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã giao, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn để tham gia phiên hòa giải, phiên họp và phiên tòa sơ thẩm, bị đơn vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy cần áp dụng Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Thanh T và bà Trần Thị S chung sống với nhau tự nguyện vào năm 1989 và UBND xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước vào năm 2002. Xét đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật bảo vệ. Nguyên đơn cho rằng, do quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, từ mấy năm trở lại đây mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bà Sơn hay ghen tuông dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên nay yêu cầu được ly hôn với bà Sơn. Bị đơn cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc chỉ phát sinh một số mâu thuẫn nhỏ, không ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình nên không đồng ý ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải, phân tích để đôi bên quay về đoàn tụ nhưng không thành. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã phân tích, giải thích cho Ông T nhưng Ông T vẫn cương quyết đề nghị được ly hôn với bà Sơn vì xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Qua xác minh, chính quyền địa phương được biết, quá trình chung sống Ông T và bà Sơn có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà Sơn ghen tuông. Mặc dù đã nhiều lần được Tòa án hòa giải nhưng Ông T vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà Sơn. Điều này cho thấy, mâu thuẫn đôi bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử cho ông Vũ Thanh T được ly hôn với bà Trần Thị S là có căn cứ và phù hợp.

[2.2] Về con chung: Do con chung đã trưởng thành trên 18 tuổi nên

đương sự không yêu cầu giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Quan điểm của Đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm nguyên đơn ông Vũ Thanh T phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Tuyên xử cho ông Vũ Thanh T được ly hôn với bà Trần Thị S.

2. *Về con chung, tài sản chung và các vấn đề khác*: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

3. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn ông Vũ Thanh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018856 ngày 29/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Đồng Ph;
- THA huyện Đồng Ph;
- UBND xã Đồng T;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hương Trâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đăng Thường

Phạm Văn Giới

Lê Thị Hương Trâm

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ – TỈNH BÌNH PHƯỚC

Vào hồi giờ phút, ngày 13 tháng 01 năm 2021

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Hương**

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Lê Quang Thìn**
Ông **Nguyễn Thành Hạnh**

Tiến hành nghị án đối với vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 401/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/12/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: **Phạm Thị Thanh Thảo**, sinh năm 1993 (có mặt)

HKTT: Tổ 99, khu phố Bàu Ké, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Chỗ ở hiện tại: Đường ĐT 741, khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú, huyện sĐồng Phú, tỉnh Bình Phước.

*Bị đơn: **Ngô Quang Phương**, sinh năm 1985 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 99, khu phố Bàu Ké, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi xem xét, thảo luận các thành viên trong Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 như sau :

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 244 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên xử cho chị Phạm Thị Thanh Thảo được ly hôn với anh Ngô Quang Phương.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Thị Thanh Vân, sinh ngày 01/11/2018 cho chị Phạm Thị Thanh Thảo trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng và anh Ngô Quang Phương có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu Vân trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Phạm Thị Thanh Thảo, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh Thảo phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004435, ngày 06/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Án phí cấp dưỡng

nuôi con là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), bị đơn anh Ngô Quang Phương phải nộp.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Biên bản kết thúc vào lúc ... giờ phút cùng ngày. Đã đọc lại, các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán chủ tọa phiên toà

Lê Quang Thìn - Nguyễn Thành Hạnh

Nguyễn Thị Hương

